

Số: 123 /QĐ-THPTNTBĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v Công khai dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của Trường THPT Nguyễn Trãi – Ba Đình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3066/QĐ- SGDDT ngày 18/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý I năm 2025 của Kho bạc nhà nước khu vực I;

Xét đề nghị của kế toán trường THPT Nguyễn Trãi – Ba Đình,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý I năm 2025 của Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi – Ba Đình ( theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Thời gian công khai từ ngày 15/04/2025 đến ngày 16/05/2025;

**Điều 3.** Hình thức công khai:

1. Website: [http:// thptnguyentrai-badinh.edu.vn](http://thptnguyentrai-badinh.edu.vn)

2. Tại phòng hội đồng sư phạm nhà trường

**Điều 4.** Các bộ phận có liên quan và bộ phận tài vụ chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN;
- Như Điều 2;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Phương Lan

Biểu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày  
28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình

Chương 422

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 123 /QĐ-THPTNTBD ngày 15 / 4 /2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trãi- Ba  
Đình)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

| Số<br>TT | Nội dung                                       | Tổng số<br>liệu báo cáo<br>quyết toán | Tổng số<br>liệu quyết<br>toán được<br>duyệt | Chênh<br>lệch | Số quyết toán<br>được duyệt chi<br>tiết từng đơn<br>vị trực thuộc<br>(nếu có đơn vị trực<br>thuộc) |
|----------|------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                              | 3                                     | 4                                           | 5=4-3         | 6                                                                                                  |
| A        | Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                                       |                                             |               |                                                                                                    |
| B        | Quyết toán chi ngân sách nhà nước              | 12,678                                | 12,678                                      | 0             |                                                                                                    |
| I        | Nguồn ngân sách trong nước                     | 12,678                                | 12,678                                      | 0             |                                                                                                    |
| 3        | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      | 12,678                                | 12,678                                      | 0             |                                                                                                    |
| 3.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 12,678                                | 12,678                                      | 0             |                                                                                                    |
| 3.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 0                                     | 0                                           | 0             |                                                                                                    |